

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2022

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1985

HKTT: ấp T, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu phố M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Trương Minh P**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003, chị và anh Trương Minh P tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết

hôn. Trong quá trình chung sống anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Anh P không quan tâm, chăm lo xây dựng gia đình. Anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị và anh P không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh P là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh P có 01 người con chung là Trương Thị Huỳnh S, sinh ngày 13/6/2004, hiện chị đang nuôi dưỡng, con có nguyện vọng sống chung với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Trương Thị Huỳnh S, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh P không có tài sản chung và nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Minh P vắng mặt, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh P vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị C và anh P là vợ chồng, giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị C và anh P tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị C cho rằng trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Anh P không quan tâm, chăm lo xây dựng gia đình, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Còn anh P vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị C và anh P có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cự cãi, Ban lãnh đạo ấp X cũng xác nhận anh chị ly thân nhiều năm. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị C đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh P, chị vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh P là vợ chồng. Xét thấy, chị C và anh P chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh P.

[4] Về con chung, chị C và anh P có 01 người con chung là Trương Thị Huỳnh S, sinh ngày 13/6/2004, hiện chị C đang nuôi dưỡng, con có nguyện vọng sống chung với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị C có đủ điều kiện nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con là Trương Thị Huỳnh S. Anh P có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị C vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị C khai chị và anh P không có tài sản chung và nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Kim C và anh Trương Minh P.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Thị Huỳnh S, sinh ngày 13/6/2004 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị C vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị C khai chị và anh P không có tài sản chung và nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005062 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh